

Sinh kế và tiếp cận nguồn lực đất đai của phụ nữ tại hai xã nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Đặt vấn đề

Từ những năm 1980, sự cải thiện của chính sách đất đai cũng như Luật Đất đai đã tạo nên một bước ngoặt lớn trong việc sử dụng đất ở Việt Nam khi giao quyền sử dụng và quản lý đất đai dài hạn cho các cá nhân và các hộ gia đình, đặc biệt là đất nông nghiệp. Điều này mở hướng cho sự chuyển đổi của nền kinh tế, đặc biệt sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành tựu đầy khích lệ, góp phần quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và cải thiện thu nhập của người dân nông thôn.

Sử dụng kết quả nghiên cứu về phụ nữ và sử dụng đất đai ở nông thôn do Viện Nghiên cứu phát triển xã hội thực hiện năm 2004 tại hai xã thuộc hai đồng bằng lớn của đất nước, bài viết thảo luận về vai trò và sự tham gia của người phụ nữ trong hoạt động tạo thu nhập của gia đình trong mối liên hệ với tiếp cận và sử dụng đất đai cũng như những cơ hội và những thách thức đối với phụ nữ nông thôn trong việc khẳng định quyền sử dụng và kiểm soát đối với đất đai, một nguồn lực quan trọng đảm bảo sinh kế của gia đình họ.

Cuộc khảo sát được tiến hành tại xã Đại Đồng (huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây) và phường Thường Thạnh, thành phố Cần Thơ (là địa bàn xã Đông Thạnh mới được chuyển thành phường), với kết quả trên 1000 hộ được phỏng vấn bằng bảng hỏi và trên 50 cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung. Đặc điểm của hai địa bàn được chọn khảo sát là địa bàn nông thôn nằm cận kề với khu vực đô thị. Thường Thạnh là địa bàn đang diễn ra quá trình đô thị hoá mạnh mẽ. Các ngành nghề dịch vụ phát triển cùng với những lợi nhuận từ việc bán đất nông nghiệp và được đền bù đất đã góp phần cải thiện mức sống của người dân. Trong khi đó, Đại Đồng vẫn là xã nông nghiệp và chỉ chịu ảnh hưởng bởi quá trình đô thị hóa do khoảng cách địa lý khá gần với khu vực đô thị lớn là Hà Nội.

Tại hai địa bàn được khảo sát, phương thức sở hữu đất canh tác có nhiều điểm khác biệt. Ở xã Đại Đồng, ruộng đất manh mún hơn nhiều so với ở Thường Thạnh, đất canh tác chủ yếu dành cho lúa và hoa màu trong khi ở Thường Thạnh chủ yếu là đất vườn trồng cây lâu niên có giá trị cao. Tính trung bình, các hộ gia đình ở Thường Thạnh có diện tích đất canh tác gấp đôi diện tích trồng trọt so với một hộ gia đình ở Đại Đồng.

Ở Đại Đồng, hộ gia đình có đất canh tác chủ yếu xuất phát từ chính sách phân chia ruộng đất của nhà nước cho các nhân khẩu trong hộ từ năm 1993 (97%). Trong khi đó, ở Thường Thạnh, đất đai đã được tư nhân hóa trong các giai đoạn lịch sử trước. Phần lớn đất ở Thường Thạnh của các hộ gia đình hiện nay đều do thừa kế của gia đình, họ hàng hoặc mua lại (95%).

Sinh kế của các gia đình và vai trò phân công lao động theo giới

Tại cả hai địa bàn, sản xuất nông nghiệp không còn là nguồn sinh kế duy nhất của hộ gia đình. Phần lớn các gia đình đều cho biết các thành viên của hộ tham gia tích cực vào một hay vài hoạt động phi nông nghiệp để có thu nhập. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 80% hộ gia đình được hỏi ở Đại Đồng và 60% hộ ở Thường Thạnh làm nông nghiệp kết hợp với hoạt động kiếm thu nhập khác như buôn bán, làm dịch vụ. Khó có thể xác định được hoạt động nào mang lại thu nhập chính cho gia đình. Các thành viên của hộ gia đình có thể tham gia đồng thời vào nhiều hoạt động kiếm thu nhập, và vẫn làm ruộng, làm vườn mặc dù ruộng vườn không còn là nguồn thu nhập chính của nhiều gia đình (Bảng 1). Quan sát cho thấy, dịch vụ xã hội và buôn bán ở Thường Thạnh phát triển hơn so với Đại Đồng. Điều này xuất phát không chỉ bởi quá trình đô thị hoá mà còn liên quan tới lối sống của người dân miền Nam đã quen với thị trường và dịch vụ từ lâu, trong khi người dân xã Đại Đồng quen nhiều hơn qua lối sống tự cung tự cấp. Như vậy, những nghề phi nông nghiệp của phụ nữ và nam giới ở Đại Đồng cũng khác hơn so với ở Thường Thạnh - phụ nữ làm buôn bán nhỏ, làm hàng xáo, xay xát, đồng nát, làm thuê, và nam giới làm mộc, thợ xây, thợ nề là chủ yếu.

Bảng 1: Nguồn thu nhập chính của hộ gia đình (%)

	Thường Thạnh (n=494)	Đại Đồng (n=493)
Thuần nông	17,4	16,6
Nông nghiệp và một số nghề khác	60,1	80,3
Phi nông	22,5	3,0

Phân công lao động trong hộ gia đình

Tại cả hai cộng đồng, có sự phân công lao động giữa nam và nữ trong gia đình thể hiện rõ nét vai trò giới truyền thống. Số liệu ở Bảng 2 cho thấy ở Thường Thạnh, nam giới tham gia nhiều vào công việc đồng áng, làm vườn, như làm đất, bón phân. Phụ nữ cũng tham gia làm nông nghiệp, nhưng ít hơn người chồng. Có khoảng 1/3 số hộ được hỏi cho biết hai vợ chồng cùng nhau chia sẻ công việc đồng áng. Phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc chăn nuôi, làm thuê. Đối với các việc phi nông nghiệp, phụ nữ tham gia chủ yếu vào dịch vụ (67%) và buôn bán (68%). Nhiều hộ cho biết hai vợ chồng cùng tham gia nhiều nhất trong thời gian thu hoạch mùa vụ (42%)

Ngược lại, xu hướng phụ nữ hoá trong hoạt động nông nghiệp thể hiện rất rõ ở các gia đình của xã Đại Đồng. Nam giới hầu như vắng bóng trong các hoạt động nông nghiệp. Tại các gia đình, công việc đồng áng hầu hết đều do phụ nữ đảm nhận, cấy

(94%), bón phân (91%), làm cỏ (89%). Điều này cũng được khẳng định lại trong các phỏng vấn định tính, nam giới thường di cư ra thành phố (làm thợ xây, thợ hồ, làm mộc) và để phụ nữ ở nhà làm nông nghiệp. Tuy vậy, họ cũng giúp đỡ gia đình khi đến mùa thu hoạch, chăn nuôi hay cày/xới đất.

Bảng 2: Phân công lao động trong sản xuất nông nghiệp (%)

	Thường Thạnh			Đại Đồng		
	Chồng	Vợ	Cả hai	Chồng	Vợ	Cả hai
Làm đất	42,7	25,3	32	9,7	61,1	29,2
Cày/xạ lúa	37,8	28,4	33,8	3,6	93,9	2,5
Trồng cây	46,3	22,4	31,2	11,3	66,7	22,0
Làm cỏ	40,5	25,9	33,7	5	88,6	6,4
Bón phân	46,4	22,4	31,3	4,9	90,5	4,6
Chăn nuôi	22,2	61,1	16,7	12,3	36,8	50,9
Thu hoạch	37	20,6	42,3	2,5	33,2	64,3
Bán sản phẩm	28,6	34,5	37	4,6	72,3	23,1

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy rất rõ vai trò giới truyền thống đối với hoạt động tái sản xuất vẫn còn nguyên vẹn: người phụ nữ làm hầu hết các việc nội trợ mặc dù trong công việc gia đình, vai trò của nam giới thể hiện rõ rệt nhất qua mảng việc chính là sửa chữa (nhà cửa, đồ dùng). 69% hộ ở Thường Thạnh và 63% hộ ở Đại Đồng cho biết nam giới chịu trách nhiệm trong việc xây sửa nhà cửa. Những công việc gia đình khác mà họ chia sẻ với vợ là chăm sóc người ốm (52% ở Thường Thạnh và 60% ở Đại Đồng).

Bảng 3: Phân công lao động trong gia đình (%)

	Thường Thạnh					Đại Đồng				
	Chồng	Vợ	Cả hai	Con trai	Con gái	Chồng	Vợ	Cả hai	Con trai	Con gái
Nấu ăn	4,6	68,5	4,3	0,3	22,3	5,9	38,0	13,6	14,4	28,3
Dọn dẹp	4,3	68,6	4,6	0,3	22,2	3,7	35,0	12,5	17,3	31,6
Giặt giũ	4,3	69,3	4,3	0,3	21,8	1,6	52,0	9,7	9,4	27,1
Đi chợ	5,5	68,7	4,1	1,0	21,2	3,2	82,0	2,9	2,1	9,7
Sửa chữa	66,1	7,5	1,9	23,0	1,6	80,1	4,0	0,9	15,4	-
Xây sửa nhà cửa	68,8	4,2	3,9	22,0	1,4	63,3	3,0	23,1	9,3	1,4
Chăm sóc người ốm	5,7	33,3	51,9	3,0	6,6	3,9	24,0	59,4	5,0	7,7

Trẻ em trong gia đình cũng theo khuôn mẫu phân công lao động theo giới như vậy - trẻ em nam tập trung vào các việc sửa chữa nhà cửa và trẻ em gái giúp đỡ mẹ trong các việc nội trợ. Tuy kết quả cho thấy nam giới ở Đại Đồng (chồng và con trai) có xu hướng tham gia việc nhà nhiều hơn nam giới ở Thường Thạnh, nhưng có thể thấy rất rõ ràng bằng chứng là phụ nữ ở Đại Đồng phải gánh chịu “gánh nặng kép”- họ đảm nhiệm hầu hết các việc đồng áng và đồng thời phải đảm nhiệm hầu hết các công việc nội trợ trong gia đình.

Quyền lực giới thể hiện trong quá trình ra quyết định đối với đất đai

Kết quả phân tích ở phần trên cho thấy vai trò quan trọng của người phụ nữ trong sản xuất nông nghiệp. Có thể thấy rằng họ là những người sử dụng tích cực nhất nguồn lực sản xuất chính là đất đai. Nhưng họ có tiếng nói như thế nào trong việc kiểm soát hay quyết định nguồn lực này? Liệu họ có được tham gia vào quá trình quyết định trong việc sử dụng nguồn lực này như thế nào, ai trong gia đình sẽ là người có tiếng nói quyết định quan trọng về các hoạt động sinh kế và sinh hoạt trong gia đình, nam giới hay phụ nữ?

Đứng tên trên giấy tờ đất canh tác

Đã có sự khác biệt rõ nét giữa hai địa bàn trong việc ai đứng tên trên giấy tờ sở hữu đất canh tác. Ở Thường Thạnh, 73% số hộ có chồng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cao hơn hẳn so với tỷ lệ 22% số hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ (Bảng 4). Ngược lại, Đại Đồng có tỷ lệ khá tương đương giữa hộ có chồng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất nông nghiệp và tỷ lệ hộ có vợ đứng tên (tương ứng là 51% và 46%). Tuy vậy, ở cả 2 địa bàn, có rất ít hộ có cả hai tên vợ và chồng cùng xuất hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất canh tác (1-2%).

Bảng 4: Đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình (%)

	Thường Thạnh (n=281)	Đại Đồng (n=372)
Chồng	73,3	50,5
Vợ	22,1	46,2
Cả hai vợ chồng	1,1	2,2
Người khác	3,6	1,1
Tổng	100,0	100,0

Việc phụ nữ đứng tên trên giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất đất nông nghiệp ở Đại Đồng và Thường Thạnh có thể phản ánh hai khía cạnh khác nhau. Tại Đại Đồng, tỷ lệ khá cao hộ gia đình có vợ đứng tên trên giấy tờ đất canh tác có thể là kết quả của chính sách phân bổ ruộng đất bình quân đầu người. Ngược lại, ở Thường Thạnh việc tên người phụ nữ xuất hiện trên giấy tờ đất đai lại phản ánh một khía cạnh khác. Đất đai ở đây đã thuộc về sở hữu tư nhân từ khá lâu, do đó người phụ nữ có thể đứng tên trên mảnh đất có được từ thừa kế tài sản.

Việc người phụ nữ đứng tên trên giấy tờ sử dụng đất là một yếu tố tích cực đảm bảo quyền lợi pháp lý cho người phụ nữ trong việc sử dụng và kiểm soát đất đai. Tuy nhiên, riêng điều này chưa phản ánh được sự tham gia và tiếng nói của họ trong quá trình ra quyết định đối với việc sử dụng đất đai của hộ gia đình. Quyền lực giới trong việc ra những quyết định về các giao dịch đất đai trong gia đình có thể được phản ánh thông qua các hoạt động giao dịch đất đai - xung quanh 5 quyền đối với đất đai của người nông dân (chuyển nhượng, trao đổi, thuê, thừa kế và thế chấp đất đai). Kết quả cuộc điều tra cho thấy số lượng hộ gia đình tham gia các giao dịch đất đai trong vòng 10 năm tính từ thời điểm 1993 là thời điểm ban hành của Luật Đất đai

không nhiều và dao động tùy theo đặc điểm giao dịch. Ở Thường Thạnh, giao dịch bán hoặc cầm cố đất dường như nhiều hơn trong khi đó, ở Đại Đồng, hoạt động giao dịch chủ yếu là thuê đất canh tác. Tuy vậy, chúng tôi vẫn sử dụng kết quả này để xem xét vai trò tham gia của nam giới và phụ nữ trong các giao dịch đất đai.

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa hai địa bàn trong việc ai là người có tiếng nói quyết định trong gia đình đối với những vấn đề về đất đai. Đối với đất canh tác, ở Thường Thạnh, có tới 2/3 số hộ được phỏng vấn cho biết chồng là người quyết định các vấn đề mua bán, thuê hoặc thế chấp đất. Ngược lại ở Đại Đồng, ngoại trừ các quyết định về thế chấp đất đai, tỷ lệ hộ có phụ nữ là người quyết định các vấn đề về thuê hay cho thuê đất, hoặc mua lại quyền sử dụng đất cao hơn tỷ lệ hộ có nam giới quyết định vấn đề này. Tuy vậy, khi liên quan tới việc sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp, nam giới lại là người quyết định về việc có thế chấp hay không. (Bảng 5).

Bảng 5: Ra quyết định về các vấn đề giao dịch đất canh tác trong các hộ gia đình (%)

	Thường Thạnh			Đại Đồng		
	Chồng	Vợ	n	Chồng	Vợ	n
Bán đất canh tác	64,3	27,1	70	47,1	52,9	17
Cho thuê đất canh tác	-	-	-	33,8	64,9	74
Thuê đất để canh tác	78,9	21,1	19	25,0	75,2	141
Cầm cố đất	63,9	31,3	83	72,4	24,1	116
Đấu thầu đất	-	-	-	44,1	55,9	34

Có thể thấy sự tham gia tích cực của người phụ nữ trong các giao dịch đất đai nông nghiệp ở Đại Đồng, kể cả trong các hộ gia đình có chủ hộ là nam giới. Điều này phản ánh vai trò chủ động hơn của của phụ nữ Đại Đồng trong việc sử dụng và tiếp cận đất nông nghiệp. Ở Đại Đồng người phụ nữ thường là người quyết định các vấn đề về đất canh tác, đặc biệt trong trường hợp gia đình cần thuê thêm ruộng để sản xuất. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của người phụ nữ xã Đại Đồng trong sản xuất nông nghiệp. Họ vừa là người sản xuất và đồng thời chịu trách nhiệm chính trong các công việc đồng áng, có thể nói họ “được” giao phó toàn bộ trách nhiệm lo toan hầu hết các vấn đề liên quan tới công việc đồng áng.

Bảng 6: Người có tiếng nói quyết định đối với việc thuê/cho thuê đất canh tác trong các hộ gia đình theo giới tính chủ hộ tại xã Đại Đồng (% người trả lời)

	Xã Đại Đồng		
	Chồng	Vợ	n
Cho thuê đất canh tác			
Chủ hộ là nam	48,7	48,7	25
Chủ hộ là nữ	17,1	82,9	48
Thuê đất để canh tác			
Chủ hộ là nam	29,8	70,2	35
Chủ hộ là nữ	10,8	89,2	106

Tuy vậy, vai trò của họ lại dường như trở nên mờ nhạt hơn khi quyết định liên quan tới thừa kế đất đai (kể cả với thừa kế đất nông nghiệp). Một vấn đề rất đáng lưu ý là sự tham gia và quyền quyết định đặc biệt của nam giới trong vấn đề đất ở, là lĩnh vực thể hiện quyền sở hữu mang tính chất lâu dài. Ở Đại Đồng, trong hơn 70% số hộ được hỏi, người chồng là người quyết định các vấn đề đất đai-mua bán, thế chấp, thuê hay thừa kế đối với đất ở (Bảng 7). Có thể đưa ra một nhận xét đáng lưu ý về tính bất bình đẳng trong quan hệ về quyền lực thông qua mối quan hệ khá mâu thuẫn trong vấn đề kiểm soát đất canh tác và đất ở. Người phụ nữ, đặc biệt là người phụ nữ ở Đại Đồng, tuy dường như họ được nâng cao quyền lực và quyền kiểm soát đối với sử dụng đất canh tác, họ dường như có được quyền chủ động trong việc thuê, hoặc nhượng đất để sản xuất nông nghiệp, là lĩnh vực mà họ hầu như được “độc quyền”. Nhưng ngược lại, phần lớn trong số họ lại hầu như không có được có tiếng nói quyết định khi vấn đề liên quan tới đất thổ cư, là lĩnh vực mà quyền sở hữu được khẳng định một cách khá chắc chắn. Một câu hỏi đặt ra là nếu như đất canh tác trong tương lai sẽ được giao hẳn cho hộ gia đình sử dụng trong một thời gian dài hơn nữa, liệu người phụ nữ ở Đại Đồng còn được toàn quyền quyết định những vấn đề liên quan tới đất canh tác của họ hay không?

Bảng 7: Người quyết định về một số giao dịch đất ở trong các hộ gia đình (%)

	Thường Thạnh			Đại Đồng		
	Chồng	Vợ	n	Chồng	Vợ	n
<i>Bán đất ở</i>	68,0	18,0	28	72,0	28,0	18
<i>Mua đất ở</i>	35,0	55,0	20	74,2	24,2	120
<i>Cầm cố đất ở</i>	63,9	31,3	83	72,4	24,1	116
<i>Cho đất</i>	50,0	42,0	12	78,0	22,0	18

Có thể nhận thấy yếu tố bất bình đẳng giới ở đây - nam giới là người quyết định chủ yếu các vấn đề liên quan tới sở hữu đất, như bán, hoặc cho, hoặc thế chấp, đặc biệt là đối với trường hợp đất ở. Thí dụ, ở Thường Thạnh và Đại Đồng, nghiên cứu cho thấy nói chung các quyết định liên quan tới bán hoặc thừa kế đất đều thuộc về người chồng, bất kể giới tính của chủ hộ là nam hay là nữ.

Đất đai đối với các gia đình trẻ

Kết quả cuộc khảo sát cho thấy sự *thiếu hụt đất ở cho những thế hệ sau*. Sức ép về đất ở cao hơn ở xã miền Bắc là nơi đất đai đã rất hạn hẹp. Hiện nay chính quyền xã cũng thừa nhận sự thiếu quỹ đất ở cho người dân.

Tại cả hai địa bàn, kết quả thu được tại bảng 8 cho thấy các hộ gia đình trẻ (<35tuổi) có ít đất canh tác hơn nhiều so với hộ gia đình lớn tuổi khác (trung bình 1.600m² so với trung bình 2.000-3.500m²). Quỹ đất càng trở nên hạn hẹp, đặc biệt là ở xã Đại Đồng, đã khiến các gia đình trẻ phải đối mặt với nguy cơ thiếu đất hoặc không có đất sản xuất. Hiện nay, nhiều gia đình ở Đại Đồng có thành viên trong gia đình không có đất sản xuất, là kết quả của chính sách chia đất 1993. Đặc biệt cuộc khảo sát đã cho thấy ở nhóm gia đình trẻ có tới 95% số hộ có thành viên không có đất sản

xuất, là những trẻ em sinh sau thời điểm chia đất. Những trẻ em sinh sau thời điểm chia đất phải chờ cho tới thời điểm chia đất lần sau vào năm 2013. Điều này đặt ra vấn đề kế thừa sản xuất nông nghiệp của thế hệ trẻ sẽ như thế nào trong bối cảnh quỹ đất canh tác hạn hẹp như vậy, có lẽ họ phải tìm kiếm một ngành nghề khác cho sinh kế, hoặc di cư nơi khác. Thế hệ trẻ sẽ chỉ có thể dựa chủ yếu vào quỹ đất ngày càng hạn hẹp của gia đình do phải phân chia qua nhiều thế hệ - số trẻ em sinh ra và số quỹ đất hiện có để ở và canh tác.

Thiếu tiếp cận tới đất đai là một trong những nguyên nhân khiến các gia đình trẻ sẽ phải tìm kiếm hoạt động thu nhập từ những nguồn khác như làm thuê, làm mướn, hoặc mướn ruộng để sản xuất, hoặc thoát ly quê hương. Nhìn chung, các gia đình trẻ khi tách ra sống riêng, cuộc sống của họ sẽ khá vất vả bởi họ thiếu lao động, thiếu tích lũy và thiếu nguồn lực sản xuất, trong đó có đất đai. Những phụ nữ trẻ sẽ còn khó khăn hơn nữa bởi gánh nặng kép - gánh nặng sinh kế và gánh nặng chăm sóc gia đình.

Bảng 8: Diện tích đất bình quân của hộ gia đình theo độ tuổi và tỷ lệ hộ gia đình có thành viên không có đất

Tuổi	Thường Thạnh (n=497)	Đại Đồng (n=498)
Diện tích đất trung bình (m ²) của các hộ gia đình		
<35	1600	1600
35-49	3400	2200
50+	4800	1900
Chung	4100	2000
Hộ gia đình có người không có đất (% người trả lời)		
<35	31,3	95,0
35 - 49	11,3	44,7
50 +	6,5	29,0
Chung	9,3	46,4

Ở Thường Thạnh, tuy vậy lại có tỷ lệ hộ gia đình hoàn toàn không có đất sản xuất cao hơn hẳn ở Đại Đồng (20% hộ ở Thường Thạnh so với 2% ở Đại Đồng). Nguyên nhân của các hộ không có đất xuất phát từ việc quỹ đất của gia đình đã hết, hoặc đất đã bị bán cho những gia đình khá giả hơn - hiện tượng tập trung đất đai trong tay một số gia đình giàu. Ngoài ra, do chuyển đổi mục đích sử dụng, đất của một số gia đình nằm trong qui hoạch sẽ bị giải tỏa (làm đường, xây cầu, khu công nghiệp). Tuy được đền bù, nhưng nếu gia đình chưa chuẩn bị về mặt kỹ năng để chuyển đổi sang nghề khác, về mặt lâu dài họ rất có khả năng gặp khó khăn trong cuộc sống.

Kết luận

Mặc dù luật pháp của nhà nước đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ, những định kiến giới và những vấn đề tồn tại trong quá trình phân chia đất đai đã tạo ra một số những trở ngại gây nên sự bất bình đẳng giới trong sử dụng và sở hữu đất đai. Một vấn đề tồn tại dai dẳng là số phụ nữ có tên trên giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất vẫn chiếm tỷ lệ quá nhỏ.

Các nghiên cứu gần đây về vấn đề này đã khẳng định những thái độ mang tính nhạy cảm giới và những chuẩn mực truyền thống về vai trò giới và vị thế của giới có ảnh hưởng tới việc đảm bảo quyền sử dụng và kiểm soát đất đai của người phụ nữ. Hơn nữa, mô hình kết hôn mang tính phụ quyền và các mối quan hệ thân tộc đang tồn tại phổ biến ở nông thôn tiếp tục cản trở người phụ nữ được hưởng quyền sử dụng đất hợp pháp của mình như luật pháp của nhà nước đã ban hành. Mặc dù chính sách đất đai và sự cải thiện lớn về vị thế của người phụ nữ trong gia đình thông qua việc người phụ nữ có được sự tự chủ trong hoạt động kinh tế và trong quá trình đưa ra những quyết định của hộ gia đình, người phụ nữ vẫn tiếp tục có ít cơ hội được thừa kế đất, kể cả đất ở lẫn đất canh tác. Tình trạng này có thể được cải thiện đáng kể nếu như người dân trong cộng đồng có thể thay đổi thái độ và quan niệm của mình đối với những định kiến giới truyền thống tạo đặc ân cho nam giới trong kiểm soát và sở hữu đất đai và hạn chế quyền quyết định về đất đai của người phụ nữ mặc dù họ là người tiếp cận và sử dụng chính nguồn lực này. Đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương, như nhóm phụ nữ đơn thân, phụ nữ nghèo, và phụ nữ trong các gia đình trẻ sẽ phải đương đầu với khó khăn trong việc có được đất đai là nguồn đảm bảo cho sinh kế của họ. Mật độ dân số cao và đất đai manh mún - diện tích đất càng ngày càng eo hẹp. Điều này sẽ đặt những gia đình trẻ ở nông thôn vào một tình thế khó khăn trong việc sinh kế bằng nghề nông.

Trong khi đó, ở nông thôn còn thiếu cơ hội di cư lao động và việc làm cho phụ nữ, xu hướng phụ nữ hóa mạnh mẽ các hoạt động nông nghiệp ở miền bắc khi phần lớn nam giới đều rời nhà ra thành phố để làm những công việc như thợ xây, thợ hồ, và phụ nữ ở lại địa phương làm công việc đồng áng, chăm sóc người già và trẻ con. Tuy vậy, đã nhận thấy xu hướng gia tăng những phụ nữ lựa chọn giải pháp lao động làm thuê nước ngoài hoặc tham gia vào dòng di cư ra thành phố với mục đích tìm kiếm những công việc khác mang lại thu nhập cho gia đình. Xu hướng mới này có thể sẽ làm thay đổi đáng kể tình trạng sử dụng đất ở cộng đồng nông thôn hiện nay.